

QUYẾT ĐỊNH

**Cấp Giấy phép hoạt động, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám Răng hàm mặt –
- Nha khoa Thủy Nguyên thuộc hộ kinh doanh Nguyễn Thị Linh**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh ;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản thẩm định của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định 183/QĐ-SYT ngày 19/01/2026 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Quản lý hành nghề Y dược, Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám, chữa bệnh: Phòng khám Răng hàm mặt - Nha khoa Thủy Nguyên thuộc hộ kinh doanh Nguyễn Thị Linh;
- Địa chỉ: TDP Trung, phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng;
- Hình thức tổ chức: Phòng khám Răng hàm mặt;

- Số GPHĐ: 001663/HP-GPHĐ do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp;
- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sỹ Trần Thị Loan;
- Số CCHN: 009841/HP-CCHN do Sở Y tế Hải Phòng cấp ngày 06/07/2017;
- Thời gian hoạt động: Từ 18 giờ 00 đến 21 giờ 00 từ thứ 2 đến thứ 6; Sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 00 và chiều từ 14 giờ 00 đến 20 giờ 00 thứ 7, chủ nhật.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật tại cơ sở:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt và thực hiện các danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt.

- Danh mục kỹ thuật: Được thực hiện 58 danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế (*chi tiết theo Phụ lục kèm theo*).

Phòng khám Răng hàm mặt - Nha khoa Thủy Nguyên thuộc hộ kinh doanh Nguyễn Thị Linh có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động theo phạm vi hoạt động chuyên môn đã được phê duyệt, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược, Nghiệp vụ Y và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Phòng khám Răng hàm mặt - Nha khoa Thủy Nguyên thuộc hộ kinh doanh Nguyễn Thị Linh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD và PGD Trần Quốc Trinh;
- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLHN (02).



Lê Minh Quang

PHỤ LỤC: PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN
THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT - NHA KHOA THỦY
NGUYỄN THUỘC HỘ KINH DOANH NGUYỄN THỊ LINH
(Kèm theo Quyết định số:1490 /QĐ-SYT ngày 6 tháng 4 năm 2026 của Sở Y tế
Hải Phòng)

ST T	STT THEO TT 23/2024/ TT-BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
1	2	3	4	5
1	14348	16.33	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng
2	14350	16.35	16. RĂNG HÀM MẶT	Phẫu thuật nạo túi lợi
3	14353	16.38	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
4	14354	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
5	14355	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
6	14356	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
7	14357	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi
8	14358	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
9	14359	16.44	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
10	14365	16.50	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
11	14367	16.52	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay
12	14368	16.53	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay cầm tay
13	14369	16.54	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy
14	14371	16.56	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng MTA
15	14372	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi
16	14374	16.59	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA
17	14376	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy lại
18	14381	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
19	14382	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
20	14383	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
21	14385	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
22	14389	16.76	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay
23	14390	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau

24	14391	16.78	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite trực tiếp
25	14392	16.79	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tùy sống có sử dụng đèn Plasma
26	14395	16.82	16. RĂNG HÀM MẶT	Tẩy trắng răng tùy sống bằng máng thuốc
27	14396	16.83	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
28	14397	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
29	14420	16.107	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần sứ
30	14421	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim Titanium cần sứ
31	14422	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần
32	14424	16.111	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Cercon
33	14431	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần
34	14432	16.119	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon
35	14439	16.126	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Onlay sứ toàn phần
36	14440	16.127	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer Composite gián tiếp
37	14441	16.128	16. RĂNG HÀM MẶT	Veneer sứ toàn phần
38	14442	16.129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
39	14443	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
40	14444	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
41	14445	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
42	14446	16.133	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung kim loại
43	14516	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn
44	14517	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
45	14518	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng vĩnh viễn
46	14526	16.213	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi xơ cho răng mọc
47	14534	16.221	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
48	14535	16.222	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp
49	14537	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
50	14540	16.227	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàn răng không sang chân với GlassIonomer Cement
51	14541	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
52	14542	16.229	16. RĂNG HÀM MẶT	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
53	14545	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tủy răng sữa
54	14548	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement
55	14549	16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
56	14551	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa
57	14552	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Trích áp xe lợi trẻ em
58	14553	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)